

Bản án số: 618/2026/HS-PT
Ngày: 10-8-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Hậu

2. Ông Nguyễn Văn Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Phương Thùy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 560/2026/HSPT ngày 07/7/2026 đối với bị cáo Kiều Ngọc T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 284/2026/HS-ST ngày 26/5/2026, của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo kháng cáo:

Kiều Ngọc T, giới tính: nam; sinh năm: 2004, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 20/5/5 đường số A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 2 Đường số A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên giao hàng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Kiều Thị Mỹ H; vợ: Nguyễn Thị Khả Á, sinh năm 2004, bị cáo có 01 người con sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

(Trong vụ án này còn có các bị cáo Nguyễn Sơn K, Lê Hoàng V; bị hại Công ty cổ phần D giao hàng nhanh nhưng các bị cáo này và bị hại không kháng cáo; bản án không bị kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2023, Lê Hoàng V, Nguyễn Sơn K và Kiều Ngọc T vào làm nhân viên giao hàng tại bưu cục giao hàng nhanh, địa chỉ 1702, Tỉnh Lộ 10, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào khoảng đầu tháng 01/2024, V bàn bạc với K và T lên lút chiếm đoạt hàng của bưu cục bằng cách “đá hàng” nghĩa là không quét mã QR của đơn hàng có ghi mã vận đơn của bưu cục rồi bỏ chung vào những đơn hàng giao theo tuyến đã quét mã QR để mang đi giao cho khách hàng và sau khi chiếm đoạt được hàng sẽ chia đều cho 3 người thì T, K đồng ý. Tiếp đó, V hỏi K, T có số tài khoản nào khác để nhận tiền nhằm khó bị phát hiện nhưng V, T không có tài khoản nên K đưa cho V số tài khoản 0789242274, mở tại Ngân hàng Q (M), mang tên Nguyễn Ngọc Yến V1 (K mượn số tài khoản của V1 là em họ của K do K nói với V1 tài khoản của K bị lỗi nên nhờ V1 nhận tiền của khách hàng chuyển trả nên V1 không biết số tiền do phạm pháp mà có).

Sau đó, Lê Hoàng V, Nguyễn Sơn K và Kiều Ngọc T đã lên lút chiếm đoạt 03 đơn hàng như sau:

- Vụ thứ nhất: vào sáng ngày 03/01/2024, V, T và K vào bưu cục giao hàng nhanh, địa chỉ 1702 Tỉnh Lộ 10, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Tại đây, V lợi dụng lúc mọi người không để ý đã lên lút (không quét mã code QR) một đơn hàng 3 hộp (wellit) nước uống collagen trẻ hóa 15.000mg”, mã đơn hàng “G893KWBW”, trị giá đơn hàng là 4.800.000 đồng và đơn hàng trên được tặng kèm thêm 01 Serum Niacinamide, 01 kem chống nắng, 4 mặt nạ dưỡng trắng da. Sau đó, V trực tiếp bỏ đơn hàng vào bao tải lớn, chung với những đơn hàng giao theo tuyến đã quét mã QR để cho T mang đi giao cho khách.

Khi giao hàng tại Block F (18.09) Chung cư T phường T quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, T đã yêu cầu chị Huỳnh Trúc Linh Đ chuyển khoản tiền đơn hàng là 4.800.000 đồng vào tài khoản số 0789242274 mang tên Nguyễn Ngọc Yến V1 mở tại Ngân hàng Q (M1). Khi có được tiền trong tài khoản, K lấy tiền mặt chia đều cho T, K và V mỗi người được 1.600.000 đồng dùng để tiêu xài cá nhân hết.

- Vụ thứ hai: vào ngày 10/01/2024 cùng thủ đoạn như trên, T đã lên lút (không quét mã code QR) 01 đơn hàng gồm 20 cái “Mắt kính”, có chữ “GI GI”, mã đơn hàng “G89RVR89”, trị giá đơn hàng là 3.300.000 đồng. Sau đó, T trực tiếp bỏ đơn hàng vào bao tải lớn chung với những đơn hàng giao theo tuyến đã quét mã QR để cho K mang đi giao cho chị Nguyễn Thị P tại địa chỉ A Q, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến điểm giao hàng, chị P thanh toán bằng chuyển khoản số tiền 3.300.000 đồng vào tài khoản của V1 mở tại Ngân hàng Q. Khi giao hàng xong, K lấy tiền mặt và chia đều cho T, K và V mỗi người được 1.100.000 đồng.

- Vụ thứ ba: vào ngày 11/01/2024, cùng thủ đoạn như trên, T đã lên lút 01 đơn hàng “Mỹ phẩm” gồm 12 hộp kem mỹ phẩm có chữ “Meiduzi” và 02 chai Serum, mã đơn hàng “G8VLPA9N”, trị giá đơn hàng là 1.260.000 đồng và sau đó T đưa cho K và K không quét mã code QR, rồi K ném qua cho V để V bỏ đơn hàng vào bao tải lớn chung với những đơn hàng giao theo tuyến đã quét mã QR

để V mang đi giao cho Nguyễn Thị T1 tại địa chỉ số I đường số E khu phố I, phường T, quận B. Khi giao hàng xong, mỗi người được chia đều với số tiền 420.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Đến 00 giờ 05 phút, ngày 24/01/2024, ông Nguyễn Văn T2 là quản lý kho tại địa điểm kinh doanh số 142 - Công ty Cổ phần dịch vụ giao hàng nhanh địa chỉ số A, Tỉnh Lộ 10, khu phố A, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện vụ việc nên đến Công an phường T, quận B trình báo.

Ngày 26/5/2026, Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án, tuyên phạt bị cáo Kiều Ngọc T 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phạt bị cáo Lê Hoàng V 01 năm 06 tháng tù, bị cáo Nguyễn Sơn K 01 năm tù cùng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 26/5/2026, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, đến ngày 01/6/2026 bị cáo Kiều Ngọc T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Kiều Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản án sơ thẩm đã thể hiện; bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Kiều Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét kháng cáo: nhận thấy hành vi của các bị cáo là phạm tội có tổ chức, là tình tiết tăng nặng theo điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, không phải chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, nhưng do không có kháng cáo, kháng nghị về nội dung này nên cấp phúc thẩm không đề nghị áp dụng tình tiết này; mặc dù tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo T cung cấp tài liệu thể hiện bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo có công việc ổn định tại Công ty G hàng nhanh, nhưng mức án 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Kiều Ngọc T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng tháng 11/2023, Lê Hoàng V, Nguyễn Sơn K và Kiều Ngọc T vào làm nhân viên giao hàng tại bưu cục giao hàng nhanh, địa chỉ A Tỉnh Lộ 10, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào đầu tháng 01/2024, V bàn bạc với K và T lên lút chiếm đoạt hàng của bưu cục bằng cách “đá hàng” nghĩa là không quét mã QR của đơn hàng có ghi mã vận đơn của bưu cục rồi bỏ chung vào những đơn hàng giao theo tuyến đã quét mã QR để mang đi giao có khách hàng và sau khi chiếm đoạt được hàng sẽ chia đều cho 3 người thì K, T đồng ý. Sau đó V, K, T đã lên lút chiếm đoạt 03 đơn hàng như sau:

- Vụ thứ nhất: vào sáng ngày 03/01/2024, V lên lút (không quét mã code QR) một đơn hàng 3 hộp (wellit) nước uống collagen trẻ hóa 15.000mg”, trị giá là 4.800.000 đồng, sau đó, V trực tiếp bỏ đơn hàng vào bao tải lớn, chung với những đơn hàng giao theo tuyến đã quét mã QR để cho T mang đi giao cho khách, số tiền khách thanh toán 4.800.000 đồng đã chuyển khoản vào tài khoản M2 mang tên Nguyễn Ngọc Yến V1, rồi K lấy tiền mặt chia đều cho T, K và V, mỗi người được 1.600.000 đồng.

- Vụ thứ hai: vào ngày 10/01/2024, T đã lên lút (không quét mã code QR) 01 đơn hàng gồm 20 cái “Mắt kính”, có chữ “GI GI”, trị giá đơn hàng là 3.300.000 đồng. Sau đó, T trực tiếp bỏ đơn hàng vào bao tải lớn chung với những đơn hàng giao theo tuyến đã quét mã QR để cho K mang đi giao cho khách, số tiền khách thanh toán 3.300.000 đồng được chuyển khoản vào tài khoản nêu trên của V1, rồi K lấy tiền mặt và chia đều cho T, K và V, mỗi người được 1.100.000 đồng.

- Vụ thứ ba: vào ngày 11/01/2024, T đã lên lút 01 đơn hàng “Mỹ phẩm” gồm 12 hộp kem mỹ phẩm có chữ “Meiduzi” và 02 chai Serum, trị giá đơn hàng là 1.260.000 đồng đưa cho K và K không quét mã code QR mà K ném qua cho V để V bỏ đơn hàng vào bao tải lớn chung với những đơn hàng giao theo tuyến đã quét mã QR rồi V mang đi giao cho khách. Khi giao hàng xong, mỗi người được chia đều với số tiền 420.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

[2] Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng Hình sự, kết luận: 12 hộp kem mỹ phẩm, trị giá 1.230.000 đồng; 03 hộp (WELLIT) NƯỚC UỐNG COLLAGEN TRẺ HÓA 15.000mg, trị giá 4.800.000 đồng; 20 cái “Mắt kính”, nhãn hiệu “GI GI”, trị giá 3.300.000 đồng.

[3] Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết luận: bị cáo Kiều Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[4] Sau khi xét xử sơ thẩm, đến ngày 01/6/2026 bị cáo Kiều Ngọc T có đơn kháng cáo. Xét thấy, đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên hợp lệ để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[5] Xét kháng cáo: hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân, tổ chức khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội nên cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Tuy vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử còn

xem xét đến vai trò, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo.

[5.1] Về vai trò:

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Lê Hoàng V là người khởi xướng, rủ rê bị cáo K cung cấp tài khoản, các bị cáo cùng nhau trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và cùng chia đều phần thu lợi bất chính nên V có vai trò cao nhất, kế tiếp lần lượt là bị cáo K, bị cáo T. Do đó Hội đồng xét xử xem xét vai trò của các bị cáo và áp dụng Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 khi lượng hình đối với bị cáo.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội hai lần trở lên” nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5.3] Về tình tiết giảm nhẹ:

- Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này đối với bị cáo.

- Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm tài liệu thể hiện hoàn cảnh bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ không có việc làm, phải chăm sóc con nhỏ nên cũng xem xét cho bị cáo được hưởng thêm các tình tiết này là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5.4] Về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[5.5] Với hành vi phạm tội, vai trò, tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo như đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T 01 năm tù là tương đối phù hợp, nhưng tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo T có xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và vai trò của bị cáo như phân tích ở trên nên xem xét giảm cho bị cáo một phần mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là đảm bảo sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo T không phải nộp.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 345; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung vào các năm 2021, 2024, 2025;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Kiều Ngọc T và sửa bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025;

Xử phạt: bị cáo **Kiều Ngọc T** 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Kiều Ngọc T không phải nộp.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND khu vực 9; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- P. PV06- Công an TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Phòng THADS khu vực 9; (1)
- THAHS khu vực 9; (1)
- TAND khu vực 9; (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (18) (4)

Ngô Ngọc Thắng

